

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu tăng trưởng thực hiện
Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Ninh Bình;

Xét Tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu tăng trưởng thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu “Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm” tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 tỉnh Ninh Bình “từ 9% trở lên” thành “>9%”.

Điều 2. Bổ sung các mục tiêu tăng trưởng thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ vào khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 tỉnh Ninh Bình, như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030
I	Chỉ tiêu kinh tế	
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân/năm	
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	2%
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	14,6%
-	Công nghiệp	15%
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	15,4%
-	Xây dựng	13,1%
1.3	Khu vực dịch vụ	8,5%
	Trong đó:	
-	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	9,2%
-	Vận tải, kho bãi	11,8%
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	12,1%
-	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	9,4%
-	Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	5,2%
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,1%
2	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	17%
3	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	2.720 USD
4	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	15%
5	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu	≥8,7%
6	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	≥11%
7	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hoá	10%
8	Số lượt khách quốc tế do cơ sở lưu trú phục vụ	4,5 triệu lượt
9	Tỉ lệ tổng vốn đầu tư thực hiện/GRDP bình quân/năm	51,4- 53,7%

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030
10	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030	60%
11	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	≥7,86%
12	Số doanh nghiệp đang hoạt động đến năm 2030	34 nghìn doanh nghiệp
II	Chỉ tiêu văn hoá - xã hội	
13	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	76 tuổi
14	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	15,3%
15	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030	90%
16	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	35%
17	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	50%
18	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều) bình quân/năm	1-1,5 điểm %/năm
19	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	100%
IV	Chỉ tiêu về môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu	
20	Tỉ lệ Khu công nghiệp, Khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	100%
21	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	35%
22	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	100%
23	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030	70-75%

Điều 3. Bổ sung các mục tiêu tăng trưởng thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ vào khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Ninh Bình như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
I	Chỉ tiêu kinh tế		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm GRDP		
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,89
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	14,86
-	Công nghiệp	%	15,67
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	16,36
-	Xây dựng	%	10,7
1.3	Khu vực dịch vụ	%	10,1
	Trong đó:	%	
-	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	10,85
-	Vận tải, kho bãi	%	15,1
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	11,26
-	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	8,13
-	Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	%	5,86
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,7
2	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	26,5
3	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	1.410
4	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	19,5
5	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu	%	23
6	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	32,6
7	Tăng trưởng ngành công nghiệp văn hóa	%	6
8	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt	3
9	Tỉ lệ tổng vốn đầu tư thực hiện/GRDP	%	50
10	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	%	10
11	Tăng trưởng điện thương phẩm	%	>8,6%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
12	Số doanh nghiệp đang hoạt động	Nghìn doanh nghiệp	27,38
II	Chỉ tiêu văn hoá - xã hội		
13	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,5
14	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	%	16,9
15	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	80
16	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	30
17	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	30
18	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	điểm %/năm	Giảm >0,13 điểm%/năm
19	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	%	45,8
20	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,76
III	Chỉ tiêu về môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu		
21	Tỉ lệ Khu công nghiệp, Khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	90
22	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	7
23	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	95
24	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030	%	70

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức nghiên cứu, rà soát và kịp thời có các giải pháp khai thác, huy động các nguồn lực, động lực, năng lực mới cho tăng trưởng; theo dõi sát, nắm chắc diễn biến tình hình tăng trưởng trên địa bàn, phối hợp chặt chẽ, thực hiện

đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực, phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; có tư duy đổi mới, đột phá, hành động quyết liệt, không ngừng nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu tăng trưởng của tỉnh Ninh Bình năm 2026 và giai đoạn 05 năm 2026-2030.

b) Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kết luận 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026, Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên tham gia giám sát và động viên mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi toàn thể cán bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh nêu cao tinh thần đoàn kết, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy nội lực, tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 và giai đoạn 5 năm 2026-2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XVI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 4;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính